TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày: 07/6/2023
V/v tranh chấp:"Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC -TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Đỗ Hồng Phúc

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà***: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 78/2022/TLST - DS ngày 14 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty CP X. Địa chỉ: KCN S, xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty CP Y. Địa chỉ: KCN S, xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: JOHAN CHRISTIAAN VAN DEN BAN - Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 5A ngách 23, ngõ 565 Lạc Long Quân, Quận T, thành phố Hà Nội; Theo Giấy ủy quyền ngày 10/5/2023. Tại phiên tòa có mặt ông Hoàng Văn B.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1989. Vắng mặt

Ông Bùi Văn D, sinh năm 1985. Vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn Ng, xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2022, bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01 tháng 11 năm 2021, Công ty CP X - Chi nhánh Hà Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) (Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp: Công ty CP X) đã ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 1002/FE014656/MB/AHN/2021 với phía bà H; Theo thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán hàng hóa, thì phía Công ty

bán cho bà H các mặt hàng thức ăn chăn nuôi do Công ty sản xuất để bà H sử dụng cho việc chăn nuôi trong trang trại của mình; Việc mua bán theo hình thức Công ty giao số lượng và chủng loại thức ăn chăn nuôi theo từng lần đơn hàng đề nghị của phía bà H; bà H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị từng đơn hàng kể từ ngày nhận hàng dựa trên Hóa đơn xuất hàng của Công ty, hoặc khi hết thời hạn cấp tín dụng. Thời kỳ đầu thì việc thanh toán diễn ra bình thường, nhưng sau đó phía bà H đã không thực hiện đúng cam kết trong việc thanh toán tiền mua hàng, vì thế Công ty đã ngưng cung cấp hàng và chấm dứt hợp đồng mua bán do phía bà H đã vi phạm điều khoản thoả thuận thanh toán.

Hai bên đã tiến hành làm việc để đối chiếu và xác nhận công nợ rất rõ ràng và chi tiết; Cụ thể: Theo Biên bản đối chiếu công nợ lập vào thời gian ngày 01/6/2022 thì hai bên đã cùng thống nhất ký tên xác nhận tính đến ngày 31/05/2022 phía bà H còn nợ Công ty số tiền là: 1.479.273.525 đồng (*Một tỷ bốn trăm bảy mươi chín triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng*). Sau khi Công ty khấu trừ đi khoản tiền chiết khấu thì phía bà H còn nợ lại là: 1.464.653.525 đồng (*Một tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi ba ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng*).

Thời gian gần đây nhất là vào các ngày 11/7/2022 và ngày 02/11/2022, khi làm việc với người đại diện của Công ty thì cả hai vợ chồng bà Đỗ Thị H và ông Bùi Văn D đều cùng thống nhất viết giấy tay rồi cùng ký xác nhận số nợ nêu trên, cũng như cam kết lộ trình trả dần; Nhưng sau đó cả hai đều không thực hiện đúng cam kết và cho đến hôm nay vẫn chưa thanh toán bất cứ khoản tiền nào. Công ty đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà H ông D trả số tiền nêu trên vì đã quá thời hạn thanh toán từ rất lâu, nhưng vợ chồng bà H ông D cố tình tránh né trốn tránh trách nhiệm mặc dù Công ty biết là hiện nay phía vợ chồng bà H, ông D có đủ khả năng thanh toán. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết:

1. Buộc bà Đỗ Thị H và ông Bùi Văn D cùng có trách nhiệm thanh toán ngay cho Công ty CP X (nay là Công ty CP Y) số tiền nợ gốc là: 1.464.653.525 đồng (*Một tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi ba ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng*).

2. Buộc bà Đỗ Thị H và ông Bùi Văn D thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc là 1.464.653.525 đồng (*Một tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi ba ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng*) theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, với mức lãi suất là 10%/năm. Thời gian tính lãi kể từ ngày 31/5/2022 cho đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ngày 07/6/2023 với số tiền lãi là: 148.716.037đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm mười sáu nghìn không trăm ba mươi bảy đồng*).

Như vậy, tổng cộng số tiền mà Công ty CP Y yêu cầu bà Đỗ Thị H cùng với chồng là ông Bùi Văn D phải trả bao gồm tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính đến ngày 07/6/2023 với số tiền là: 1.613.369.562đồng (*Một tỷ*

sáu trăm mười ba triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng).

3. Buộc bà Đỗ Thị H cùng với chồng là ông Bùi Văn D phải có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh tiếp trên số tiền nợ gốc nêu trên cho Công ty CP Y kể từ ngày 08/6/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất là 10%/ năm trên số tiền gốc chưa trả.

* Bị đơn ông Bùi Văn D và bà Đỗ Thị H thống nhất trình bày: Do gia đình có nhu cầu chăn nuôi lợn nên ông bà có ký hợp đồng mua bán cám với Công ty cổ phần dinh dưỡng Quốc tế - Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng mua bán số 1002/FE014656/MB/AHN/2021 vào ngày 01/11/2021. Nhưng do làm ăn khó khăn nên ông bà chưa trả được nợ tiền cám cho Công ty, vì thế Công ty không cung cấp cám và chấm dứt hợp đồng mua bán giữa hai bên. Sau đó hai bên đã chốt công nợ với nhau, ông bà xác định còn nợ Công ty cổ phần dinh dưỡng Quốc tế - Chi nhánh Hà Nam số tiền là 1.464.653.525đồng. Công ty khởi kiện ông bà buộc phải trả số tiền chưa thanh toán và lãi do chậm thanh toán trên số nợ gốc theo lãi suất 10%/1 năm kể từ ngày 31/5/2022 cho đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ, giá lợn bấp bênh nên ông bà không có khả năng trả nợ ngay toàn bộ số tiền trên. Ông bà đề nghị được trả nợ dần cho Công ty, mỗi tháng từ 30 -50 triệu đồng và đề nghị Công ty miễn tiền lãi chậm trả cho ông bà.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định. Bị đơn đã được triệu tập, thông báo nhiều lần nhưng không đến làm việc là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 280; khoản 1, 3 Điều 440; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Bùi Văn D và bà Đỗ Thị H phải trả cho Công cổ phần MNS Feed số tiền gốc 1.464.653.525đồng và tiền lãi do chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc nêu trên với mức lãi suất 10%/1 năm, thời gian tính lãi kể từ ngày 31/5/2022 đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án. Ngoài ra, ông D, bà H còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc chưa trả từ ngày 08/6/2023 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất 10%/1 năm. Về án phí: Bà Đỗ Thị H và ông Bùi Văn D phải chịu toàn bộ án phí theo quy định. Về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty CP X (nay là Công ty CP Y) có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết yêu cầu buộc ông Bùi Văn D và bà Đỗ Thị H có địa chỉ tại: thôn Ng, xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc phải trả cho Công ty số tiền mua cám còn nợ và lãi chậm trả theo quy định của Bộ luật Dân sự. Do vậy, đây là vụ án tranh chấp "Kiện đòi tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty CP X được sáp nhập vào Công ty CP Y theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng kí kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 09/01/2023, mã số doanh nghiệp 3603447499. Vì vậy, Công ty CP Y được kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Công ty CP X - chi nhánh Hà Nam (hoạt động theo ủy quyền của Công ty CP X theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3600618918-001 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kết hoạch đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 29/11/2021) và bà Đỗ Thị H có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 1002/FE014656/MB/AHN/2021 vào ngày 01/11/2021. Tại Điều 2 của hợp đồng 2 bên thỏa thuận Công ty đồng ý bán và khách hàng đồng ý mua các mặt hàng thức ăn chăn nuôi do Công ty sản xuất. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty đã cung cấp các sản phẩm cho bà H, ông D, đến ngày 30/4/2022 và ngày 01/6/2022, các bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ. Tại biên bản ngày 01/6/2022 bà H và đại diện Công ty ký biên bản xác định tiền mua hàng còn nợ Công ty tính đến ngày 31/5/2022 là 1.479.273.525đồng. Sau khi Công ty khấu trừ đi khoản tiền chiết khấu thì phía bà H còn nợ lại là: 1.464.653.525 đồng (*Một tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi ba ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng*). Sau thời điểm này, bà H và ông D không thanh toán cho Công ty thêm khoản tiền nào khác. Vì vậy, Công ty CP X khởi kiện buộc ông D, bà H phải trả cho Công ty toàn bộ số tiền trên và tiền lãi chậm trả theo quy định.

Quá trình giải quyết bị đơn ông D và bà H đều xác định ông bà làm chăn nuôi lợn nên bà H có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn gia súc với Công ty CP X - Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 1002/FE014656/MB/AHN/2021 vào ngày 01/11/2021 do điều kiện kinh doanh gặp nhiều khó khăn, giá lợn thấp nên ông bà không có khả năng trả tiền đã mua hàng của Công ty.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy:

Do các đương sự đều thừa nhận việc các bên có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 1002/FE014656/MB/AHN/2021 vào ngày 01/11/2021, quá trình thực hiện hợp đồng do bên mua là bà Đỗ Thị H, ông Bùi Văn D không trả tiền hàng theo thỏa thuận nên các bên đã ngừng thực hiện hợp đồng. Các bên đã thống nhất ký biên bản xác nhận số tiền ông Bùi Văn D và bà Đỗ Thị H còn nợ Công ty CP X - Chi nhánh Hà Nam là 1.464.653.525đồng (theo các biên bản ngày 01/6/2022 và cam kết lộ trình trả nợ đề ngày 11/7/2022). Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP X buộc ông D, bà H phải trả cho Công ty CP Y số tiền gốc là 1.464.653.525đồng.

Về yêu cầu tính lãi theo lãi suất chậm trả tính trên số tiền 1.464.653.525đồng thấy rằng: Theo phụ lục số 05 ngày 12/11/2021 (Bút lục số 30) bà H và Công ty có thỏa thuận về việc trả lãi khi chậm thanh toán với mức lãi suất 0,05%/ngày tương ứng 18%/1 năm. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính theo mức lãi suất chậm trả theo quy định của Bộ luật dân sự là 10%/1 năm, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi kể từ ngày 31/5/2022 đến ngày xét xử (07/6/2023) là 148.716.037đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/6/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất là 10%/năm trên số tiền gốc chưa trả. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

*[3].*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4].Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Đỗ Thị H, ông Bùi Văn D phải chịu án phí theo quy định.

[5].Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 280; khoản 1, khoản 3 Điều 440; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 91, 92, 95 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP Y.

Buộc ông Bùi Văn D và bà Đỗ Thị H phải trả cho Công ty CP Y số tiền 1.613.369.562đồng (*Một tỷ sáu trăm mười ba triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng*), trong đó: Tiền gốc là: 1.464.653.525 đồng (*Một tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi ba ngàn năm trăm hai mươi lăm*

đồng); tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính đến ngày xét xử là: 148.716.037đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm mười sáu nghìn không trăm ba mươi bảy đồng*)

2. Kể từ ngày 08/6/2023 đến khi thi hành án xong, ông Bùi Văn D và bà Đỗ Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị H và ông Bùi Văn D phải chịu 60.401.000 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm linh một nghìn đồng) án phí dân sự. Công ty CP Y không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền 28.322.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001478 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hưng